

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HC-ST

Ngày: 29-8 -2022

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
về việc giải quyết tranh chấp đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông M Gia Cát

Ông Võ Ngọc Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Phan Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2021/TLST-HC ngày 11 tháng 6 năm 2021 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc giải quyết tranh chấp đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HC ngày 02 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2022/QĐST-HC ngày 17/8/2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn Phước Hạ, xã Phước Đồng, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

2. Ông Lê Thế Bình, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số 85B đường Lê Đại Hành, phường Tân Lập, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M và ông B: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1974, địa chỉ: Số 46/39 (số cũ 30/16) đường H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Ông Nguyễn Hữu T có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Đình T thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Đình T, Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa, địa chỉ: Số 119B đường N, phường T, thành phố Nha T, tỉnh Khánh Hòa; Luật sư Nguyễn Đình T có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ: Số 01 đường Trần Phú, phường Xương Huân, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tấn T - Chủ tịch; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Khánh Hòa:

+ Ông Nguyễn Trọng B

+ Ông Lê Khổng Hàn T

Đều là Chuyên viên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân thành phố N

Địa chỉ: Số 42 đường Lê Thánh Tôn, phường Tân Lập, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Sỹ K, chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại D - Phó Chủ tịch; Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố N:

+ Ông Nguyễn Khánh N - Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N.

+ Ông Trần Huỳnh Nhật T - Nhân viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N.

Các ông Nguyễn Khánh N, Trần Huỳnh Nhật T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã Phước Đồng

Địa chỉ: Thôn T, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Đào Văn B, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số 06 đường Đi, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B: Ông Lê Thế B, sinh năm 1958, địa chỉ: Số 85B đường H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Ông Bình ủy quyền lại cho ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1974, địa chỉ: Số 46/39 (số cũ 30/16) đường H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1948

4. Ông Phạm Viết S, sinh năm 1973

5. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1975

6. Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: Số 54K đường T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông bà T, S, T, T2: Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn Ha, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Ông Nguyễn Đức M ủy quyền lại cho ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1974, địa chỉ: Số 46/39 (số cũ 30/16) đường H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

7. Bà Phạm Thị Bích T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 80/38 đường 17, phường C, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Phạm Thị Tr, sinh năm 1979

Địa chỉ: Chung cư H, số 730/126 đường L, phường 15, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, bà T, Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn Ha, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Ông Nguyễn Đức M ủy quyền lại cho ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1974, địa chỉ: Số 46/39 (số cũ 30/16) đường H, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

9. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1941

10. Ông Lê Thái H, sinh năm 1965

11. Bà Lê Thị H, sinh năm 1976

12 Ông Lê Thái H, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Số 35/28 đường N, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; tất cả đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 1991 đến năm 1993, các ông Lê Thế B, Đào Văn B, Nguyễn Đức M, Phạm Viết Văn có khai hoang một vùng đất tại thôn Hải Thọ, xã P, thành phố N, Khánh Hòa với diện tích 53.742 m² (thể hiện trong Bản đồ địa chính tỉnh Khánh Hòa gồm các thửa 163, 186, 187, 188, 189, 190 và 222, tờ số 22 và 23. Các ông đã sử dụng diện tích đất khai hoang để nuôi trồng thủy sản, phát triển kinh tế gia đình.

Trong quá trình khai hoang và cải tạo ao địa, các ông đã có đơn xin phép Ủy ban nhân dân xã P để đắp bờ bao và được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận, chuyển Phòng địa chính thành phố N; các ông đều đã thực hiện nghĩa vụ nộp lệ phí khai hoang, thuê sử dụng đất cho Nhà nước và nộp thuế sử dụng đất đầy đủ,

sử dụng đất theo đúng quy định (có kèm theo biên lai thuế sử dụng đất năm 1999, 2000, 2002).

Năm 2001, ông Lê Thái N, trú tại: số 11 tổ 4, P. Vĩnh Phước, N, có đơn tranh chấp đối với các lô đất trên với các ông. Ủy ban nhân dân thành phố N đã giải quyết đơn tranh chấp và ra Quyết định số 1665/QĐ-UB ngày 15/6/2001 có nội dung:

“Điều 1: *Bác đơn tranh chấp QSD đất của ông Lê Thái N, trú tại: số 11 tổ 4, phường V, thành phố N với ông Phạm Viết V, thường trú tại: Số 54K đường N, phường T tại các thửa đất số 163, 186, 187, 188, 189 190 và 222, tờ bản đồ địa chính số 22-23 thuộc thôn H, xã P, thành phố N vì ông không xác định được diện tích, ranh giới đất tranh chấp tại các thửa đất nói trên.*

Điều 2:

a/ Thu hồi các thửa đất nói tại Điều 1 của Quyết định này mà hiện tại các ông Phạm Viết V, Lê Thế B, Đào Văn B, Nguyễn Đức M sử dụng đất không mục đích, san ủi địa trái phép trên đất đang có tranh chấp và chưa được cấp có thẩm quyền giao đất.

b/ Giao cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý các thửa đất nói trên đúng theo quy hoạch kế hoạch sử dụng đất đã được thành phố phê duyệt.

c/ Nếu các ông có tên nêu tại Điều 2 của Quyết định này thực tế có nhu cầu sử dụng đất thì phải lập thủ tục thuê đất với Ủy ban nhân dân xã P”.

Ngay sau khi nhận được quyết định số 1665/QĐ-UB ngày 15/6/2001 của Ủy ban nhân dân thành phố N, ngày 23/6/2001, các ông đã khiếu nại Quyết định này đến Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Ủy ban nhân dân thành phố N để yêu cầu giải quyết và sau đó có nhiều đơn nữa, nhưng đến nay vụ việc này đã kéo dài hơn 20 năm vẫn chưa được giải quyết dứt điểm.

Ngày 03/12/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Quyết định số 4124/QĐ-UB về việc giải quyết tranh chấp đất của ông Lê Thái Nguyên. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tiếp tục bác đơn khiếu nại của ông N đối với tranh chấp với ông Phạm Viết V nhưng không giải quyết nội dung mà các ông khiếu nại về việc thu hồi đất.

Ông B tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố N. Ngày 15/5/2003, Ủy ban nhân dân thành phố N có văn bản số 631/UB với nội dung cho rằng việc khiếu nại của ông B đã hết thời hiệu nên không được thụ lý giải quyết.

Ngày 16/02/2006, ông M có đơn khiếu nại gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa yêu cầu giải quyết đơn khiếu nại của ông. Sau đó, ông M tiếp tục có nhiều đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Ủy ban nhân dân thành phố N nhưng đơn của ông vẫn chưa được giải quyết nên ông M có gửi đơn khiếu nại đến Bộ Tài Nguyên và Môi trường. Ngày 14/7/2008, Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường có văn bản số 212/CV-TTr gửi đến Ủy ban nhân dân thành phố N yêu cầu giải quyết đơn khiếu nại của ông M.

Ông Nguyễn Đức M đã nhiều lần đến trụ sở tiếp công dân của TW Đảng và Nhà nước để khiếu nại Quyết định số 1665/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân thành phố N. Ngày 26/9/2008, ông M tiếp tục gửi đơn đến Thanh tra - Bộ Tài nguyên và Môi trường, sau đó Thanh tra - Bộ Tài nguyên và Môi trường có văn bản số 271/CV-TTr ngày 06/10/2008. Ngày 12/02/2009, ông M đã đến Phòng tiếp công dân Thành phố N để yêu cầu giải quyết đơn khiếu nại của ông; Tại buổi tiếp công dân có bà Nguyễn Thị N - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N chủ trì buổi tiếp công dân đã kết luận: *“Ủy ban nhân dân thành phố N ghi nhận ý kiến của ông M và sẽ giao cho các phòng ban có chức năng xem xét khiếu nại của ông theo quy định của pháp luật”*.

Ngày 28/5/2018, ông B, ông M có nhận được Văn bản số 3356/UBND-TNMT ngày 25/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố N, với nội dung: đề nghị ông M, ông B gửi đơn đến Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa để được xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 20/4/2021, các ông nhận được Văn bản số 556/BTCD ngày 14/4/2021 của Ban tiếp công dân của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có kèm theo Văn bản số 3216/UBND-XDND ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa (bản photocopy), với nội dung: *“...UBND tỉnh không xem xét thụ lý đơn ông Lê Thế B, ông Nguyễn Đức M và các ông/bà có liên quan theo Điều 2 của Quyết định số 1665/QĐ-UB ngày 15/6/2001 của Ủy ban nhân dân thành phố N, vì không đủ điều kiện xử lý. Đồng thời Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đồng hướng dẫn lần cuối ông Lê Thế B, ông Nguyễn Đức M và các ông/bà có liên quan theo Điều 2 của Quyết định số 1665/QĐ-UB ngày 15/6/2001 của Ủy ban nhân dân thành phố N gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân để giải quyết”*.

Việc Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa không giải quyết đơn khiếu nại của ông M, ông B là không đúng với quy định pháp luật. Hơn thế nữa, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có Văn bản số 3216/UBND-XDND ngày 08/4/2019 thông báo không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông M, ông B nhưng không gửi văn bản cho ông M, ông B, chỉ đến khi nhận được Văn bản số 556/BTCD ngày 14/4/2021 của Ban tiếp công dân của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa thì ông B mới biết được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã có Văn bản số 3216/UBND-XDND ngày 08/4/2019 nói trên. Việc Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Văn bản số 3216/UBND-XDND ngày 08/4/2019 nhưng không gửi cho ông B và những người liên quan, đồng thời xác định đơn khiếu nại của các ông M, B không đủ điều kiện xử lý là chưa đúng với quy định của pháp luật, làm thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của B.

Vì vậy, các ông khởi kiện Ủy ban nhân dân thành phố N, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, yêu cầu Hủy bỏ một phần của Quyết định số 1665/UB ngày 15/6/2001 của Ủy ban nhân dân thành phố N về nội dung thu hồi đất của các ông (Điều 2), hủy Văn bản số 3216/UBND-XDND ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

*** Tại Văn bản số 4979/UBND-TNMT ngày 30/7/2021, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố N trình bày:**

Vụ việc tranh chấp đất đai tại xã P giữa ông Lê Thái N và ông Phạm Viết V (các ông: Nguyễn Đức M, Lê Thế B, Đào Văn B là những người có quyền lợi liên quan) đã diễn ra từ năm 1995.

Ngày 27/11/1995, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Thông báo số 680/UB, về việc giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định lâu dài cho hộ nông dân ở xã P, theo đó tại Điểm 2 Thông báo có nội dung: *“Toàn bộ diện tích đất trong nông trường dừa, đất có rừng sú vẹt, đất đã có quy hoạch khu du lịch (có đất làm sân gôn), Ủy ban nhân dân thành phố N, Ủy ban nhân dân xã P phải thực hiện quản lý không giao ruộng cho bất kì ai. Trong trường hợp lấn, chiếm hoặc UBND thành phố, UBND xã đã lỡ giao thì hủy bỏ và thu hồi ngay”*.

Ngày 19/01/1996, Phòng Địa chính (nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường) có Công văn số 17/ĐC, yêu cầu các bên giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp, không được xây dựng bất cứ công trình gì trên đất.

Đến tháng 5/2000, các ông: Phạm Viết V, Nguyễn Đức M, Lê Thế B, Đào Văn B tiếp tục san ủi làm địa tô m dẫn đến việc ông Lê Thái N tiếp tục có đơn tranh chấp.

Ngày 15/6/2001, Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 1665/QĐ-UB, về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lê Thái Nguyên và ông Phạm Viết V, có nội dung cụ thể sau:

+ Bác đơn tranh chấp của ông Lê Thái Nguyên tại các thửa đất số 163, 186, 187, 188, 189, 190, 222, tờ bản đồ số 22+23 của các ông: Phạm Viết V, Nguyễn Đức M, Lê Thế B, Đào Văn B, địa chỉ thôn Phước Hạ, xã P, thành N.

Nguyên nhân: ông Lê Thái N không xác định được diện tích, ranh giới tranh chấp.

+ Thu hồi các thửa đất trên của các ông: Phạm Viết V, Nguyễn Đức M, Lê Thế B, Đào Văn B.

Nguyên nhân: sử dụng không đúng mục đích, san ủi địa trái phép và chưa được cấp có thẩm quyền giao đất cho Ủy ban nhân dân xã P quản lý (căn cứ khoản 5, khoản 6, Điều 26, Luật đất đai 1993)

+ Hướng dẫn các ông: Phạm Viết V, Nguyễn Đức M, Lê Thế B, Đào Văn B liên hệ Ủy ban nhân dân xã P để lập thủ tục thuê đất trong trường hợp thực tế có nhu cầu sử dụng đất.

Nguyên nhân: Tại thời điểm năm 2001, các ông: Phạm Viết V (công tác tại Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa), Nguyễn Đức M (công tác tại Xí nghiệp cấp thoát nước 202), Lê Thái B (công tác tại Sở Thủy Sản tỉnh Khánh Hòa), Đào Văn B (công tác tại Công an tỉnh Khánh Hòa) đang là cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước (căn cứ Điều 8, Nghị định số 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ)

Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 1665/QĐ-UB ngày 15/6/2001 giải quyết tranh chấp đất đai tại xã P giữa ông Lê Thái N và ông Phạm Viết V (các ông: Nguyễn Đức M, Lê Thế B, Đào Văn B là

những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) là đúng quy định pháp luật hiện hành.

*** *Tại Văn bản 7410/UBND-NC ngày 04/8/2021, người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa trình bày:***

Về nội dung ông Nguyễn Đức M và ông Lê Thế B khiếu nại Điều 2 Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 15/6/2001 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lê Thái N với ông Phạm Viết V, cụ thể: “ Thu hồi các thửa đất nói tại Điều 1 của Quyết định này mà hiện tại các ông Phạm Viết Văn, Lê Thế B, Đào Văn B, Nguyễn Đức M sử dụng đất không đúng mục đích, san ủi ao địa trái phép trên đất đang có tranh chấp và chưa được cấp có thẩm quyền giao đất”; Theo nội dung giải quyết khiếu nại của các quyết định giải quyết trước đây, cụ thể: Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 15/6/2001 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lê Thái N với ông Phạm Viết V (lần 01) và Quyết định số 4124/QĐ-UB ngày 03/12/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Lê Thái N, trú tại số 11, tổ 4, khóm Tháp Bà, phường Vĩnh Phước, thành phố N (lần 2), đây là các quyết định giải quyết của 02 cấp có thẩm quyền đối với nội dung tranh chấp đất giữa ông Lê Thái N với ông Phạm Viết V; ông Nguyễn Đức M là người có liên quan, bị ảnh hưởng trực tiếp bởi Quyết định 1665/QĐ-UBND ngày 15/6/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N.

Trong quá trình giải quyết tranh chấp giữa ông Lê Thái N với ông Phạm Viết Văn; ông Lê Thái B, Đào Văn B, Nguyễn Đức M đã biết việc giải quyết tranh chấp đất đai này. Tuy nhiên, đến ngày 15/02/2006, ông Nguyễn Đức M mới phát sinh đơn khiếu nại Quyết định 1665/QĐ-UBND ngày 15/6/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N. Vì vậy, căn cứ Điều 31 Luật Khiếu nại tố cáo năm 1998 quy định: “Thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được có hành vi hành chính.

Trong trường hợp vì ốm đau, thiên tai, dịch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác mà người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu, thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khiếu nại”.

Và căn cứ vào khoản 8 Điều 1 (Luật Khiếu nại, tố cáo năm 1998 sửa đổi, bổ sung năm 2005): “sửa đổi, bổ sung các điều sau đây của Luật Khiếu nại, tố cáo quy định: Thời hạn khiếu nại, thời gian khiếu nại tiếp đã hết”, thì đơn ông Nguyễn Đức M đã hết thời hiệu khiếu nại tiếp theo.

Do đó Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa không xem xét thụ lý đơn khiếu nại; đồng thời UBND tỉnh đã có Văn bản số 3216/UBND –XDND ngày 08/4/2019 về việc trả lời đơn cho ông Lê Thế B và ông Nguyễn Đức M, theo đó đã hướng dẫn, trả lời lần cuối cho ông Lê Thế B, ông Nguyễn Đức M và các ông/bà có liên quan (theo Điều 2 Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 15/6/2001 của Ủy ban nhân dân thành phố N v/v giải quyết tranh chấp sử dụng

đất giữa ông Lê Thái N với ông Phạm Viết V) đề nghị gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân để xem xét xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Từ các nội dung và căn cứ nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Đức M và ông Lê Thế B đối với nội dung khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 15/6/2001 của Ủy ban nhân dân thành phố N về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lê Thái N với ông Phạm Viết V và Văn bản số 3216/UBND-XDND ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc trả lời đơn ông Nguyễn Đức M và ông Lê Thế B.

Tại các bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm các ông bà: B, Th, S, T, T2, T3, T là ông Nguyễn Hữu T trình bày: Thống nhất với trình bày và yêu cầu của người khởi kiện.

Tại Công văn số 2608/UBND ngày 05/11/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã P: Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của người có liên quan của ông Lê Thái N:

Bà Nguyễn Thị N; Ông Lê Thái H; Bà Lê Thị H; Ông Lê Thái H là người kế thừa quyền và lợi ích hợp pháp của người liên quan là ông Lê Thái N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia các phiên hòa giải, đối thoại, không có văn bản trình bày ý kiến đối với các nội dung liên quan đến vụ kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết khiếu kiện đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa do người khởi kiện đã rút đơn khởi kiện; chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện về hủy Điều 2 Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 15/6/2001 của Ủy ban nhân dân thành phố N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Ủy ban nhân dân thành phố N, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố N vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai nhưng đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; Theo quy định tại Điều 157 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Ngày 01/11/2021, người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về hành vi không giải quyết khiếu nại, Tòa án chưa xem xét thụ lý yêu cầu này, ngày 06/01/2022, người khởi kiện có đơn rút lại đơn khởi kiện bổ sung nên Tòa án xác định Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa không phải là người bị kiện trong vụ án.

[1.3] Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 15/6/2001 của Ủy ban nhân dân thành phố N là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính.

[1.3] Cho đến thời điểm Tòa án xét xử và ra bản án các đương sự đều không có ý kiến về thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 116 Luật tổ tụng hành chính và khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu hủy Văn bản số 3216/UBND–XDNĐ ngày 08/4/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

Sau khi tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đức M và ông Lê Thế B có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy Văn bản số 3216/UBND – XDNĐ ngày 08/4/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

Xét thấy việc rút yêu cầu của người khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này của người khởi kiện.

[2.2] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1665/QĐ-UB ngày 15/6/2001 của UBND thành phố N về giải quyết tranh chấp giữa ông Lê Thái N và ông Phạm Viết V.

[2.2.1] Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số 1665/QĐ-UB ngày 15/6/2001 của UBND thành phố N bị các ông Nguyễn Đức M, Lê Thế B khiếu nại về việc thu hồi đất, nhưng UBND thành phố N, UBND tỉnh Khánh Hòa chưa thụ lý giải quyết khiếu nại. Tại Văn bản số 7410/UBND – NC ngày 04/08/2021, UBND tỉnh Khánh Hòa nêu ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện cho rằng UBND tỉnh Khánh Hòa đã giải quyết khiếu nại lần 2 đối với nội dung khiếu nại giữa ông N và ông V theo Quyết định số 4124/QĐ.UB ngày 03/12/2002. Tuy nhiên Quyết định số 4124/QĐ.UB ngày 03/12/2002 của UBND tỉnh Khánh Hòa chỉ giải quyết bác đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông N với ông V, không giải quyết đối với nội dung khiếu nại việc thu hồi đất theo Điều 2 của Quyết định 1665/QĐ-UB ngày 15/6/2001 của UBND thành phố N.

[2.2.2] Xét: Từ năm 1991 – 1993, các ông Lê Thế B, Nguyễn Đức M, Đào Văn B và Phạm Viết V có khai hoang 53.742m² gồm các thửa 163, 186, 187, 188, 189, 190, 222 tờ bản đồ số 22 và 23 thôn T, xã P, thành phố N để nuôi trồng thủy sản.

Theo giấy xin xác nhận thất lạc hồ sơ đất do ông Phạm Viết V, Lê Thế B và Đào Văn B lập ngày 08/9/1996 trình bày: Vào tháng 3 năm 1991, các ông V, B, B, M có làm đơn gửi UBND xã Phước Đồng xin khai hoang khu rừng ngập mặn nguyên sơ tại thôn T, xã P với diện tích khoảng 5ha, được chính quyền địa phương đồng ý, cử người xuống giao đất tại vị trí cụ thể: Phía đông giáp địa tôm ông Cầu, Phía tây giáp vườn ông Phước và ông Hưng, phía bắc giáp đất ông Hưng, Phía nam giáp đất ông Nguyên. Đến tháng 10/1993 các ông V, B, M nộp hồ sơ gửi UBND xã và Phòng nông nghiệp thành phố N xin giao quyền sử

dụng đất nhưng sau đó hồ sơ bị thất lạc. Việc thất lạc hồ sơ được các ông Quang Nhật T nguyên cán bộ địa chính xã, ông Nguyễn Thành V nguyên Phó chủ tịch UBND xã P nhiệm kỳ 1989 – 1994, ông Trần Duy Q nguyên Bí thư chi bộ xã P, xác nhận các ông V, Bi, M, Bă có xin khai hoang và được UBND xã P chấp nhận đơn khai hoang tại thôn H với diện tích khoảng 5ha.

[2.2.3] Ngày 16/7/1999, các ông Phạm Viết V, Đào Văn B, Nguyễn Đức M, Lê Thế B tiếp tục có đơn xin phép đắp bờ ao bằng xe cơ giới có chiều dài bờ bao dài 826m, rộng mặt trên bờ 1m chân bờ 3m, phía ngoài bờ bao là mương thoát nước có chiều rộng từ 1,5m đến 2m, được UBND xã P xác nhận số thửa đất và diện tích cụ thể của từng người sử dụng ngày 20/7/1999 và chuyển Phòng địa chính, UBND thành phố N giải quyết.

Ngày 23/7/1999, UBND thành phố chuyển đơn xin đắp bờ ao cho Phòng địa chính thành phố kiểm tra cụ thể vị trí đất, quy mô bờ cần đắp để UBND thành phố cho phép các đương sự đào đắp phục vụ sản xuất lúa và lập vườn.

[2.2.4] Như vậy trong quá trình khai hoang, đào ao từ những năm 1991 đến 1999 các ông V, Bi, M, B đã thực hiện nghiêm túc việc xin phép chính quyền địa phương, được chính quyền địa phương chấp thuận cho phép khai hoang. Trong quá trình sử dụng đất các ông Bi, M, V, B thực hiện nghĩa vụ nộp lệ phí khai hoang, nộp thuế sử dụng đất đầy đủ, sử dụng đất đúng mục đích.

[2.2.5] Ngày 15/6/2001, UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1665/QĐ-UB về việc giải quyết đơn tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lê Thái N và ông Phạm Viết V. Theo đó UBND thành phố N đã bác đơn tranh chấp quyền sử dụng đất của ông Lê Thái N với ông Phạm Viết V tại các thửa đất số 163; 186; 187;188; 189;190 và 222 tờ bản đồ địa chính số 22-23 thôn Phước Hạ, xã P thành phố N vì ông N không xác định được ranh giới đất tranh chấp tại các thửa đất nói trên.

[2.2.6] Tuy nhiên tại Điều 2 của quyết định số 1665/QĐ-UB của UBND thành phố N lại thu hồi các thửa đất số 163; 186; 187;188; 189;190 và 222 tờ bản đồ địa chính số 22-23 mà các ông Phạm Viết V, Lê Thế B, Đào Văn B, Nguyễn Đức M sử dụng với lý do sử dụng đất không đúng mục đích, san ủi địa trái phép và chưa được cấp có thẩm quyền giao đất là không đúng. Bởi lẽ các ông Phạm Viết V, Lê Thế B, Đào Văn B, Nguyễn Đức M đã làm đơn xin khai hoang được UBND xã P chấp nhận. Trong quá trình khai hoang, canh tác trên vùng đất được UBND xã P cho phép các ông Phạm Viết V, Lê Thế B, Đào Văn B, Nguyễn Đức M đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Khi tiến hành cải tạo đất làm địa nuôi tôm các ông Phạm Viết V, Lê Thế B, Đào Văn B, Nguyễn Đức M đã làm đơn xin phép chính quyền địa phương, được UBND thành phố N đồng ý giao cho Phòng địa chính kiểm tra cụ thể vị trí, quy mô bờ cần thiết để UBND thành phố cho phép đào đắp, phục vụ sản xuất lúa và lập vườn. Hồ sơ do các đương sự cung cấp cho Tòa án cũng không có tài liệu nào cho thấy các ông Phạm Viết V, Lê Thế B, Đào Văn B, Nguyễn Đức M đã bị xử lý hành chính về các hành vi sử dụng đất không đúng mục đích, san ủi trái phép.

[2.2.7] Việc UBND thành phố N thu hồi đất của các ông Phạm Viết V, Lê Thế B, Đào Văn B, Nguyễn Đức M đang sử dụng mà không đền bù thiệt hại; Trước khi thu hồi đất UBND thành phố N không thông báo cho người sử dụng đất biết lý do thu hồi, thời gian, kế hoạch di chuyển và phương án đền bù thiệt hại là vi phạm Điều 27, Điều 28 Luật Đất đai năm 1993;

Điều 27 quy định: *“Trong trường hợp thật cần thiết, Nhà nước thu hồi đất đang sử dụng của người sử dụng đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng thì người bị thu hồi đất được đền bù thiệt hại”*

Điều 28 quy định: *“Trước khi thu hồi đất phải thông báo cho người đang sử dụng biết về lý do thu hồi, thời gian, kế hoạch di chuyển, phương án đền bù thiệt hại”*

[2.2.8] Quyết định 1665/QĐ-UB ngày 15/6/2001 của UBND thành phố N là quyết định giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Lê Thái N và ông Phạm Viết V; Tuy nhiên ngoài việc giải quyết tranh chấp, UBND thành phố N lại thu hồi các thửa đất số 163; 186; 187; 188; 189; 190 và 222 tờ bản đồ địa chính số 22-23 mà hiện tại các ông Phạm Viết V, Lê Thế B, Đào Văn B, Nguyễn Đức M đang sử dụng là vượt quá yêu cầu giải quyết đơn của ông Lê Thái N.

[2.2.9] Trong thực tế, kể từ khi có Quyết định 1665/QĐ-UB ngày 15/6/2001 của UBND thành phố N đến nay, các ông Lê Thế B, Nguyễn Đức M vẫn đang quản lý sử dụng các thửa đất này được Ủy ban nhân dân xã P xác nhận.

[2.2.10] Vì những lẽ đó, yêu cầu của ông Lê Thế B, Nguyễn Đức M đề nghị huỷ Điều 2 của Quyết định 1665/QĐ-UB ngày 15/6/2001 của UBND thành phố N là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về chi phí thẩm định và án phí:

[3.1] Chi phí thẩm định, đo vẽ là 16.200.000 đồng ông Lê Thế B, Nguyễn Đức M đồng ý chịu và đã nộp đủ.

[3.2] Án phí: Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân thành phố N phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Trả lại cho các ông ông Lê Thế B, Nguyễn Đức M mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30, Điều 32; điểm h khoản 1 Điều 143; Điều 173; điểm b, khoản 2 Điều 193; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

- Căn cứ Điều 27, Điều 28, Điều 38 Luật đất đai năm 1993.

- Căn cứ khoản 2, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của các ông Lê Thế B, Nguyễn Đức M về hủy Quyết định số 3216/UBND-XDND ngày 08/4/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

2. Chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện của các ông Lê Thế B, Nguyễn Đức M; Hủy Điều 2 của Quyết định 1665/QĐ-UB ngày 15/6/2001 của UBND thành phố N.

3. Về chi phí thẩm định và án phí:

- Chi phí thẩm định, đo vẽ là 16.200.000 đồng, ông Lê Thế B, Nguyễn Đức M đồng ý chịu và đã nộp đủ.

- Án phí: Ủy ban nhân dân thành phố N phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Trả lại cho các ông ông Lê Thế B, Nguyễn Đức M mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai số AA/2021/0009753 ngày 10/6/2021 (ông B) và Biên lai số AA/2021/0009752 ngày 10/6/2021 (ông M) của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: AV, HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Công Đường